

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 7 năm 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Yến - Bà Phan Hoàng Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên..

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 269/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Xã MK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Xã MK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện tại: Ấp BH2, xã MK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P qua tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên vào ngày 14/5/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không phù hợp, bà P không chí thú làm ăn lo cho gia

đình, cờ bạc, uống rượu, ông nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà P vẫn không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn bà P.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Dương Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 và Dương Thị Hồng Đ1, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông M về quan hệ hôn nhân cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng. Tuy nhiên nguyên nhân dẫn đến bà tham gia cờ bạc, nhậu nhẹt là do ông M có người thứ ba, bà khuyên nhủ nhưng ông M không thừa nhận còn bạo hành bà nên bà về nhà mẹ ruột ở từ năm 2021 đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông M cũng không còn, nếu hàn gắn hôn nhân cũng khó có hạnh phúc. Quá trình Tòa án hòa giải bà không đồng ý ly hôn vì muốn các con còn đủ cha mẹ, không muốn việc ly hôn ảnh hưởng đến hạnh phúc riêng tư của các con sau này, mặt khác tài sản chung vợ chồng vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa, nếu ông M đồng ý chia tài sản chung làm 4 phần cho vợ chồng và 02 con, bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông M.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Dương Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 và Dương Thị Hồng Đ1, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động đúng như ông M trình bày.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng P.

- Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Dương Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 và Dương Thị Hồng Đ1, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề xuất giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà P, bà P cư ngụ tại xã MK, thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông M và bà P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh vào năm 2002 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo ông M trình bày do bà P không chí thú làm ăn lo cho gia đình, nhậu nhẹt, cờ bạc, ông khuyên nhủ nhưng bà P vẫn không thay đổi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn bà P.

Bà P thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông M trình bày, tuy nhiên nguyên nhân dẫn đến bà ăn nhậu, cờ bạc là do ông M có người thứ ba, bà khuyên nhủ, hờn ghen nhưng ông M vẫn không thay đổi, còn bạo hành bà. Bà cũng thừa nhận tình cảm bà dành cho ông M cũng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, nếu ông M đồng ý chia tài sản chung làm 4 phần cho vợ chồng và 02 con, bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông M.

Qua trình bày của đương sự tại phiên tòa, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, mặc dù bà P không đồng ý ly hôn, ông M không đồng ý hàn gắn nhưng cả hai đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn, mâu thuẫn không thể cứu vãn, cả hai không có sự yêu thương và tôn trọng nhau, bà P cũng thừa nhận nếu thỏa thuận xong tài sản chung, bà đồng ý ly hôn với ông M.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, thực tế cả ông M và bà P đều không quan tâm nhau, thời gian sống ly thân từ năm 2021 đến nay cả hai không có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà P cũng xác định do chưa thỏa thuận xong về tài sản chung nên bà không đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, lý do bà P không đồng ý ly hôn cũng không xuất phát từ ý chí níu kéo tình cảm

vợ chồng, không thật sự mong muốn hàn gắn hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M được ly hôn bà P như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2]. Về con chung: Ông M và bà P có 02 (hai) con chung tên Dương Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 và Dương Thị Hồng Đ1, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Nếu có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng P.

2. Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Dương Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 và Dương Thị Hồng Đ1, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Dương Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001787, ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

